

Bản án số: 381/2019/HSPT

Ngày 11 tháng 7 năm 2019

“Nguyễn Văn L và đồng phạm
Mua bán trái phép chất ma túy”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 628/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Thế D do bị cáo kháng cáo và Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 326/2018/HS-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Bị cáo bị kháng nghị:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1985 tại thành phố H1; Thường trú: Thôn Trâm Khê, xã Đại Thắng, huyện T, thành phố H1; Nơi ở: Phòng 6.05 Lô D, chung cư Ruby Garden, Phường 15, quận T, Thành phố H; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn L1 và bà Đinh Thị H; Vợ Trần Thị T, có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 56/2012/HSST ngày 08/5/2012 của Tòa án nhân dân thành phố H1 phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2016 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

2. Nguyễn Thế D, sinh năm 1969 tại Thành phố H2; Thường trú: 209B Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, Thành phố H2; Nơi ở: 10.17 chung cư Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, quận B, Thành phố H; Trình độ học vấn: Lớp 10/10; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Thế M và bà Phạm Thị V; Vợ Huỳnh Kim T1, có 02 con sinh năm 2005 và sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2016 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

- Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L có:
 - + Luật sư Nguyễn Đăng V thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (Có mặt).
 - + Luật sư Nguyễn Văn T2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định (Có mặt).
- Luật sư Đỗ Hải B thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thế D (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 29/6/2016, tại khu vực ngã ba Trường Chinh – Tổng Văn Hân, Phường 15, quận T, Thành phố H, công an bắt quả tang Nguyễn Thế D có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để bán. Thu giữ trên xe SH của D có treo 01 túi nilon màu đen bên trong chứa 01 túi nilon màu hồng chứa tinh thể không màu qua giám định là ma túy thể rắn, khối lượng 1.001,10 gam, loại Methamphetamine (MA); 01 đoạn ống nước nhựa PVC bên trong chứa 02 gói tinh thể không màu qua giám định là ma túy thể rắn, tổng khối lượng 1.992,67 gam, loại MA.

Khám xét khẩn cấp nhà D tại lầu 10 phòng 17 chung cư Nguyễn Ngọc Phương thu giữ trên giường ngủ của D 01 gói nilon chứa tinh thể không màu qua giám định là ma túy thể rắn, khối lượng 0,7248 gam, loại MA; thu trong ngăn kéo bàn trong phòng khách 01 gói nilon chứa tinh thể không màu qua giám định là ma túy thể rắn, khối lượng 24,7049 gam.

Từ lời khai của D, Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp Nguyễn Văn L và khám xét nơi ở của L tại phòng 6.05 Lô D, chung cư Ruby Garden thu giữ trong phòng ngủ 01 valy màu đen, bên trong chứa 05 gói nilon hàn kín màu xanh bên trong chứa tinh thể màu trắng, 02 gói nilon màu trắng hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng. Thu trong phòng khách 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa tinh thể màu trắng. Kết quả giám định các gói trên là ma túy thể rắn, tổng khối lượng 9.715,84 gam, loại MA cùng 01 khẩu súng màu đen có băng đạn và 85 viên đạn; kết quả giám định là loại súng tiểu liên AR15, cỡ nòng 5,56 mm, số súng nguyên thủy 596626 do Mỹ sản xuất. Súng còn đầy đủ các bộ phận, hoạt động bình thường và bắn được đạn nổ. Khẩu súng trên là vũ khí quân dụng, 85 viên đạn trên là đạn quân dụng cỡ nòng 5,56 x 45mm chưa qua sử dụng (Bản kết luận giám định số 880/KLGĐ-TT ngày 31/8/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H).

Toàn bộ số ma túy thu giữ được giám định, kết quả thể hiện tại các Kết luận giám định số 1341, 1342, 1343/KLGĐ-H cùng ngày 29/7/2016 và các Kết luận giám định bổ sung số 96, 97, 98/KLGĐBS-H cùng ngày 27/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn L khai nhận: Ngày 25/6/2016 L đón xe từ Hải Phòng đến cửa khẩu Móng Cái đi qua Trung Quốc đặt mua của một người phụ nữ tên Linh không rõ lai lịch 13 Kg ma túy giá 270.000.000 đồng/Kg nhằm bán lại kiếm lời. Sau khi

thỏa thuận xong, Linh cho một người khác đem ma túy cất giấu trong 01 valy màu đen đem qua cửa khẩu Móng Cái giao cho L, L chỉ đi theo áp giải hàng. Khi vào đến Việt Nam, L nhận valy chứa ma túy đón xe về Hải Phòng, sau đó đón xe Hoàng Long vào Thành phố H lúc 06 giờ ngày 27/6/2016 và đem ma túy cất giấu trong phòng ngủ rồi điện thoại cho Nguyễn Thế D biết đã có ma túy. Đến 11 giờ cùng ngày thì D đến nhà L, L lấy 4 Kg ma túy để trên bàn nhưng D chỉ mua 3 Kg ma túy đá giá 300.000.000 đồng/Kg, số ma túy còn lại vẫn để trên bàn, sau đó bị khám xét thu giữ cùng số ma túy cất giấu trong phòng ngủ. L khai đây là lần đầu tiên bán ma túy cho D.

L khai đã mua khẩu súng ở Campuchia vào khoảng tháng 4/2016 giá 18.000.000 đồng để trưng bày cho đẹp, sau đó định mang súng qua Campuchia đi săn nên L qua Campuchia mua thêm 85 viên đạn giá 25.000 đồng/viên mang về Việt Nam.

Nguyễn Thế D khai nhận thông qua bạn bè biết L có bán ma túy nên D hỏi mua về bán lại kiếm lời và ngày 27/6/2016 đã mua của L số ma túy đá như lời khai của L. Ngoài ra, trước ngày bị bắt D có mua của L 100 g ma túy đá giá 36.000.000 đồng, sau đó bán lại cho người tên Út (không rõ lai lịch) ở Gò Vấp khoảng 80 g giá 32.000.000 đồng, số còn lại cất giấu trong nhà thì bị bắt. Ngoài mua của L, trước ngày bị bắt khoảng 01 tháng D có mua của Tuấn (không rõ lai lịch) 02 lần tại công viên Phú Lâm, mỗi lần mua 01 lạng ma túy đá với giá 40.000.000 đồng rồi bán lại cho Út và Mai (đều không rõ lai lịch) giá 41.000.000 đồng.

Đối với 100 g MA D mua của L về bán lại, đã bán hết 80 g, số còn lại cất giấu trong nhà là 0,7248 g MA và 24,7049 g MA nhưng L không thừa nhận đã bán số MA này cho D, nên không có căn cứ để quy kết trách nhiệm hình sự đối với L về số ma túy này.

Tại Bản cáo trạng số 248/CT-VKS-P1 ngày 14/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đã truy tố Nguyễn Văn L và Nguyễn Thế D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự; Truy tố Nguyễn Văn L về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 326/2018/HSST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”; Bị cáo Nguyễn Thế D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 36; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt Nguyễn Văn L tù Chung thân về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, 01 (một) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội là tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2016.

Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt Nguyễn Thế D tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2016.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phạt bổ sung mỗi bị cáo 100.000.000 đồng; xử lý vật chứng; án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2018, bị cáo Nguyễn Thế D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 22/10/2018, Nguyễn Thế D có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

Tại Quyết định số 50/QĐ-VKS-P1 ngày 04/10/2018 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H kháng nghị phúc thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với Nguyễn Văn L và Nguyễn Thế D từ Chung thân lên Tử hình đối với tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận bị cáo có thực hiện hành vi như Bản án sơ thẩm đã nêu. Bản án sơ thẩm xét xử và phạt bị cáo tù Chung thân là đúng, bị cáo xin được chấp hành theo Bản án sơ thẩm. Bị cáo có mua ma túy về đưa cho bị cáo D và D chưa thanh toán tiền cho bị cáo, nên bị cáo chưa có hành vi mua bán ma túy. Số ma túy cũng chưa phát tán ra ngoài nên cũng chưa gây thiệt hại cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Thế D khai nhận bị cáo có thực hiện hành vi như Bản án sơ thẩm đã nêu. Bản án sơ thẩm xét xử và phạt bị cáo tù Chung thân là đúng nên bị cáo rút toàn bộ kháng cáo và xin được chấp hành theo hình phạt của Bản án sơ thẩm đã xử.

Luật sư Nguyễn Đăng V và luật sư Nguyễn Văn T2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L đề nghị xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Cha mẹ của bị cáo là người có công với nước nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo, đề nghị bổ sung tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo và hình phạt tù Chung thân đã thỏa đáng. Đề nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế D đề nghị xem xét chưa làm rõ bị cáo bán ma túy cho ai nên chưa đủ căn cứ quy kết bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” mà hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” nên theo Bộ luật hình sự năm 2015 thì Bản án sơ thẩm phạt bị cáo tù Chung thân là phù hợp. Đề nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét bị cáo Nguyễn Thế D rút toàn bộ kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo D; Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội. Bị cáo Nguyễn Văn L mua bán 12.709,61 gam ma túy loại MA, bị cáo Nguyễn Thế D mua bán 3.019,2 gam ma túy loại MA đều là khối lượng đặc biệt lớn nhưng cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo tù Chung thân là không tương xứng với tính chất, mức độ, làm giảm tác dụng đấu tranh phòng chống loại tội phạm ma túy và không đúng quy định của Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, sửa bản án sơ thẩm. Tuyên phạt Tử hình đối với bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Thế D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thế D rút toàn bộ kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thế D.

Kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H trong hạn luật định, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định Nguyễn Văn L mua 12.709,61 gam ma túy loại MA, bị cáo Nguyễn Thế D mua 3.019,2 gam ma túy loại MA nhằm mục đích để bán lại kiếm lời. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Nguyễn Thế D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, không oan.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đều có lời khai là mua ma túy về nhằm mục đích bán lại kiếm lời; Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo cũng không có kháng cáo về tội danh nên không có căn cứ để xem xét lại tội danh theo đề nghị của Luật sư bảo vệ cho bị cáo Nguyễn Thế D.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội cần phải xử phạt nghiêm khắc. Bị cáo Nguyễn Văn L mua bán 12.709,61 gam ma túy loại MA; Bị cáo Nguyễn Thế D mua bán 3.019,2 gam ma túy loại MA. Tuy các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Văn L có cha và mẹ là người có thành tích xuất sắc nên chấp nhận một phần lời đề nghị của luật sư, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L. Tuy nhiên, khối lượng ma túy các bị cáo phạm tội là đặc biệt lớn nhưng Bản án sơ thẩm chỉ xử phạt tù Chung thân là không đúng với quy định tại điểm c tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết số 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo, không đảm bảo cho việc đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy, nên không có căn cứ để chấp nhận lời bào chữa của các luật sư đề nghị giữ nguyên hình phạt Chung thân. Do vậy, chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, loại trừ vĩnh viễn bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Thế D ra khỏi xã hội mới đảm bảo tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[3] Bị cáo Nguyễn Thế D rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đối với tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” của bị cáo Nguyễn Văn L; Về hình phạt bổ sung; Về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thế D.

3. Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, sửa Bản án sơ thẩm số 326/2018/HSST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H như sau:

3.1. Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 35; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L Tử hình về tội “*Mua bán trái phép vũ khí quân dụng*”. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là Tử hình. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3.2. Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế D Tử hình về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/6/2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3.3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Nguyễn Thế D được gửi đơn xin ân giảm đến Chủ tịch Nước.

4. Bị cáo Nguyễn Thế D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” của bị cáo Nguyễn Văn L; Về hình phạt bổ sung; Về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC
 - Viện Trưởng VKSNDTC
 - VKSND cấp cao tại TP.HCM;
 - Tòa án nhân dân TP. H;
 - Viện kiểm sát nhân dân TP.H;
 - Công an TP.H;
 - Sở Tư pháp TP.H; H1, H2;
 - Cục THADS TP.H;
 - Trại tạm giam Công an TP.H
- (Trại tạm giam Công an TP.H tổng đạt cho bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

- Luru

